

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Vân;

Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 489/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1972; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L chung sống với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mn, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 02/8/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, nên ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N sinh ngày 13/3/1998, hiện cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc ông L xin ly hôn với bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L, bà L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, ông L yêu cầu được ly hôn với bà L nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn bà L có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Mn, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 02/8/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. ông L và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, nên ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông L vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn bà L thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc ông L xin ly hôn với bà. Điều này cho thấy bà L đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N sinh ngày 13/3/1998, hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: ông L xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, bà L không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: ông L xác định không yêu cầu giải quyết về nợ chung, bà L không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005991 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông L đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Lê Quế Thanh